

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 14 - 3 - 2023

V/v tranh chấp QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hồng P, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

+ Ông Quách Văn Y, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- + Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1957 (vắng mặt).
 - + Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1990 (con ông Huỳnh Thanh H) (xin vắng mặt).
 - + Ông Huỳnh Hoàng Z, sinh năm 1994 (con ông Huỳnh Thanh H) (xin vắng mặt).
 - + Bà Trần Hồng C, sinh năm 1977 (vợ ông Huỳnh Văn T) (xin vắng mặt).
 - + Ông Huỳnh Trung K, sinh năm 1998 (con ông Huỳnh Văn T) (vắng mặt).
 - + Bà Huỳnh Diễm M, sinh năm 2001 (con ông Huỳnh Văn T) (vắng mặt).
 - + Ông Quách Văn T, sinh năm 1989 (con bà Huỳnh Thị L, ông Quách Văn Y) (vắng mặt).
 - + Bà Quách Thị D, sinh năm 1991 (con bà Huỳnh Thị L, ông Quách Văn Y) (vắng mặt).
- Cùng cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.
- + Bà Quách Thị D1, sinh năm 1986 (con bà Huỳnh Thị L, ông Quách Văn Y) (vắng mặt).
- Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện Pn, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2019, tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Hồng P trình bày:

Vào năm 1950, di ruột của ông là bà Nguyễn Thị B được ông bà ngoại ông cho phần đất ruộng khoảng 30.000 m² và đất vườn khoảng 13.000 m². Cả hai phần đất trên đều tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C. Đối với phần đất ruộng đã bán, còn phần đất vườn thì vào ngày 21/11/1979, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh M (nay là huyện P, tỉnh C) mượn toàn bộ để làm bệnh viện và sau đó bà Nguyễn Thị B đã chết (năm 1993). Đến năm 1994 thì bệnh viện di dời nơi khác (gần Ủy ban nhân dân xã P hiện tại bây giờ) và để lại phần đất trống. Một thời gian sau đó (khoảng năm 1996) ông đã cất căn nhà nhỏ trên đất và ở để trông coi đến năm 1999 thì ông cho người cháu tên Lê Hoàng K mượn đất để trồng rau, chuối. Đến ngày 19/3/1998 ông được Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau chứng nhận là người được hưởng thừa kế phần đất vườn nêu trên (khoảng 13.000 m²).

Ông đã làm thủ tục yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp phần đất diện tích là 6.356 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG324972 ngày 28/12/2011, thửa đất số 48 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

Thời gian trước khi ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Y, bà L đã chiếm một phần đất mặt tiền để cất nhà ở với diện tích cụ thể từ mé lộ dal ra đến bờ sông Đ ngang 15m x dài 16m. Ông đã yêu cầu ông Y, bà L trả lại cho ông phần đất trên và ông Y bà L đã làm cam kết trả nhưng đến nay không thực hiện. Vì ông Y, bà L cho rằng phần đất trên là của mẹ ruột ông T để lại cho ông T và ông T đã cho ông Y bà L mượn sử dụng. Vào khoảng trước ngày 28/7/2017, ông T đã đốn hạ một cây còng hơn 20 năm tuổi trên phần đất của ông.

Nay ông Lê Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T trả lại cho ông phần đất lấn chiếm chiều ngang là 15 mét, chiều dài tính từ mé ruộng đến giáp sông Đ khoảng trên 100 mét. Tổng diện tích khoảng 1.500 m² (theo diện tích đo đạc thực tế là 1.662 m²) tọa lạc tại ấp TA, xã P, huyện P, tỉnh C. Đồng thời buộc ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L di dời toàn bộ nhà và công trình kiến trúc trên đất để trả lại đất cho ông. Đồng thời yêu cầu ông Huỳnh Văn T trả giá trị cây còng mà ông Thi đã tự ý đốn với số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Tại phiên tòa, ông không tiếp tục phản yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh Văn T trình bày:

Mẹ ông là bà Nguyễn Thị T có một phần đất được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 14.150 m² vào ngày 12/7/2004, phần đất tọa lạc ấp T, xã P, huyện P, đến năm 2014 bà T để lại cho ông quản lý, sử dụng. Ngoài phần đất này, mẹ ông còn có một phần đất mặt tiền nối liền với phần đất được cấp đến sông Đ, có diện tích ngang giáp phần đất được cấp giấy là khoảng 38m, phía ngoài mé sông ngang khoảng 04 (bốn) mét, đây là phần đất ông P tranh chấp với ông. Theo ông thì phần đất tranh chấp là phần đất gia đình ông đã sử dụng ổn định từ khoảng năm 1984, lúc trạm y tế cũ dời đi cho đến nay. Tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông đã sử dụng, xây dựng các công trình như nhà tình nghĩa mà nhà nước cất cho mẹ ông, 01 phần mộ liệt sỹ của cha ông, 01 cống xả nước của ông, 01 căn nhà của chị ruột là bà Huỳnh Thị L và anh rể Quách Văn Y cất khoảng năm 1984 và sinh sống đến nay. Do đất là đất của mẹ ông nên không đồng ý trả lại cho ông P 1.662 m² theo đo đạc. Do đất ông sử dụng và trồng cây, khi điện lực kéo dây yêu cầu chủ đất chặt cây nên ông chặt cây, không đồng ý bồi thường 6.000.000 đồng. Phần đất tranh chấp mặt tiền mé sông là của ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này ông cho bà L, ông Y ở tạm.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022, cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị L và ông Quách Văn Y thống nhất trình bày:

Ông, bà không đồng ý di dời nhà cửa do đây là phần đất của ông Huỳnh Văn T cho mượn ở tạm.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Hoàng Z, bà Trần Hồng C, ông Huỳnh Trung K, bà Huỳnh Diễm M, ông Quách Văn T, bà Quách Thị D, bà Quách Thị D1 cùng thống nhất trình bày: Hiện tại phần đất tranh chấp với ông Lê Hồng P là đất do ông bà, cha mẹ, giao cho ông Huỳnh Văn T tự quyết định các vấn đề liên quan đến tranh chấp, do điều kiện công việc nên cùng xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Lê Hồng P; buộc ông Huỳnh Văn T trả cho ông Phúc phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.662 m²; buộc ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L di dời toàn bộ nhà, công trình kiến trúc trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Lê Hồng P khởi kiện ông Huỳnh Văn T, ông Quách Văn Y và bà Huỳnh Thị L là tranh chấp quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Hoàng Z, bà Trần Hồng C, ông Huỳnh Trung K, bà Huỳnh Diễm M, ông Quách Văn T, bà Quách Thị D, bà Quách Thị D1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình khởi kiện, ông Lê Hồng P khởi kiện ông Huỳnh Văn T đề đòi lại phần đất lấn chiếm với diện tích theo đo đạc thực tế là 1.662 m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Quá trình xem xét toàn bộ nội dung khởi kiện theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy ông Lê Hồng P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T, ông Quách Văn Y và bà Huỳnh Thị L trả cho ông phần đất có diện tích 1.662 m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C là có căn cứ. Bởi xét về nguồn gốc đất thì tại biên bản họp giải quyết vụ đất đai giữa Ban Y tế thể dục thể thao huyện và bà Nguyễn Thị B thể hiện ngày 21/11/1979, Ban Y tế thể dục thể thao xây cất trạm xá trên phần đất của bà Nguyễn Thị B. Các bên nhất trí toàn bộ vườn của bà Nguyễn Thị B giao lại cho Ban y tế; xi tẹt, nước và cây cồng thuộc quyền sở hữu của bà B. Tại tờ giao kèo thể hiện “Tôi Quách Văn Y có mượn của

anh Út P để cắt cái trái nhà và đóng cây nước để xài trên phần đất của anh P. Hẹn đến cuối tháng 11-2017 bằng mọi giá sẽ di dời cái trái nhà và cây nước để trả lại phần nền cho anh P” (vợ chồng ký tên, ông P, bà L). Tại tờ cam kết lập ngày 26/7/2006 thể hiện “Nay vì điều kiện cắt nhà nên ông Nguyễn Văn N là cậu ruột đứng ra xin ông P 03 mét kể bên từ ranh ông N trở qua hướng Nam chạy dài từ mé đất bà T đến mé sông C khoảng 110 mét (3 mét đất là của ông P cho riêng bà T) được hưởng lợi thế mặt sông. Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn T ngày 16/4/2021 thể hiện, theo hiện trạng hiện tại thì phần nhà ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L cất là nằm trên phần đất của ông Lê Hồng P. Phần đất ông Huỳnh Văn T chỉ ranh là không phù hợp với nội dung cam kết ngày 26/7/2006 mà gia đình ông Huỳnh Văn T và ông Lê Hồng P đã thỏa thuận. Như vậy, nguồn gốc là thuộc về quyền quản lý, sử dụng về phía ông Lê Hồng P, việc ông Lê Hồng P trình bày là có cơ sở.

[4]. Ông Huỳnh Văn T cho rằng trước đây vào ngày 12/7/2004, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 14.150 m², chiều ngang là khoảng 38 mét và mẹ ông có một phần đất mặt tiền nối liền từ phần đất mẹ của ông được cấp giấy đến sông Đ có diện tích ngang giáp phần đất mẹ của ông được cấp giấy là khoảng 38 mét, phía ngoài mé sông có bề ngang khoảng 4 mét chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là phần đất mà ông P đang tranh chấp với ông. Năm 2014, mẹ ông chết, để lại toàn bộ diện tích đất đó cho ông sử dụng. Mẹ ông chết không để lại di chúc nhưng giữa anh chị em ông không có tranh chấp gì đối với phần đất này. Phần đất ông P yêu cầu ông trả lại là phần mà gia đình ông đã sử dụng ổn định từ khoảng 1984 lúc Trạm y tế xã P cử dời đi cho đến nay. Mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng phần đất này gia đình ông đã sử dụng và xây dựng các công trình kiến trúc trên đất như Nhà tình nghĩa mà Nhà nước cất cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị T và 01 phần mộ Liệt sỹ của cha ông là ông Huỳnh Văn X, 01 công xỏ nước của ông và 01 căn nhà của bà Huỳnh Thị L (chị ruột ông), ông Quách Văn Y (anh rể, chồng bà L) cất vào khoảng năm 1984 và sinh sống ổn định cho đến nay. Ngoài ra, theo phong tục địa phương thì mặc dù phần đất mặt tiền mé sông của ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ai có phần đất phía trong và mặt tiền phía ngoài thì mặt tiền vẫn thuộc quyền sử dụng của người đó cho dù chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Việc ông Huỳnh Văn T trình bày nguồn gốc đất là của mẹ ông để lại, cho nhưng không có gì chứng minh về nguồn gốc đất; ông Huỳnh Văn T, ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L cũng thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết nhưng với lý do là sợ mất lòng anh em hàng xóm, không đọc kỹ và ông Lê Hồng P bắt buộc phải ký khi cắt nhà là không phù hợp.

[5]. Về phần diện tích tranh chấp, lấn chiếm: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện, người được cấp giấy tên Lê Hồng P, diện tích 6.356 m², thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 13, được UBND huyện P cấp ngày 28/12/2011.

Tại mảnh trích đo hiện trạng thì tổng diện tích khu đất là 5.710,7 m². Diện tích tranh chấp giữa ông Lê Hồng P, ông Huỳnh Văn T là 1.662 m² (thửa 1, 2). Trong đó, diện tích nhà ông Lê Hồng P là 9,3 m²; diện tích nhà ông Huỳnh Văn T đang quản lý sử dụng là 83,5 m². Diện tích ông Lê Hồng P đang quản lý sử dụng là 4.048,7 m² (thửa 3, 4).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp có tứ cận như sau: Đông giáp sông Đ; Tây giáp đất bà Huỳnh Thị K; Ông Văn N, Nguyễn Thị T; Nam giáp đất Ông Văn N; Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn T; trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà xây dựng năm 2001, 01 cây me, một số cây tạp do ông Huỳnh Văn T mới trồng, 01 cây nước.

Như vậy, phần diện tích đất của ông Lê Hồng P theo đo đạc thực tế ít hơn so với diện tích được cấp giấy (ít hơn 645,3 m²). Trên phần diện tích tranh chấp chỉ có nhà ông Huỳnh Văn T đang quản lý là 83,5 m², 01 cây nước và một số cây tạp mới trồng, ông Huỳnh Văn T cho rằng đã xây dựng công trình kiến trúc như nhà tình nghĩa, 01 phần mộ liệt sỹ, 01 cống xả nước là hoàn toàn không có, có nghĩa là phần công trình kiến trúc nằm hoàn toàn về phần đất mà bà Tiềm giao cho ông Huỳnh Văn T quản lý, còn phần đất tranh chấp hoàn toàn thuộc về phía ông Lê Hồng P nên không có công trình, kiến trúc như ông Huỳnh Văn T trình bày.

Từ những tài liệu, chứng cứ và nhận định nêu trên, xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Hồng P, việc yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng P là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Tại phiên tòa, ông Lê Hồng P không tiếp tục yêu cầu ông Huỳnh Văn T bồi thường giá trị cây cồng 6.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Đối với phần nhà và các công trình kiến trúc trên phần đất tranh chấp của ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L, do tại biên bản hòa giải các bên thống nhất bên nào tự đầu tư thì bên đó tự tháo dỡ, di dời, khi phần thắng kiện thuộc về người khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8]. Đối với chi phí đo đạc là 12.613.000 đồng. Do yêu cầu của ông Lê Hồng P được chấp nhận toàn bộ nên buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc. Ông Lê Hồng P đã thanh lý xong toàn bộ chi phí đo đạc (tại Hóa đơn bán hàng ngày 27/3/2020) nên buộc ông Huỳnh Văn T phải hoàn trả cho ông Lê Hồng P là phù hợp.

[9]. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Hoàng Z, bà Trần Hồng C, ông Huỳnh Trung K, bà Huỳnh Diễm M, ông Quách Văn T, bà Quách Thị D, bà Quách Thị D1 cùng thống nhất trình bày hiện tại phần đất tranh chấp với ông Lê Hồng P là đất do ông bà, cha mẹ, giao cho ông Huỳnh Văn T tự quyết định các vấn đề liên

quan đến tranh chấp, do điều kiện công việc nên cùng xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét.

[10]. Do các yêu cầu của ông Lê Hồng P được chấp nhận nên về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Hồng P không phải chịu. Buộc bị đơn là ông Huỳnh Văn T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Hồng P.

Buộc ông Huỳnh Văn T phải trả lại cho ông Lê Hồng P phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.662m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C. Cụ thể như sau:

- **Mốc M1 - M2 - M15 - M14 có tổng diện tích 1.313,7 m²**, trong đó:

- + Từ mốc M1 đến mốc M2 có chiều dài 85,66 mét;
- + Từ mốc M2 đến mốc M15 có chiều dài 13,96 mét;
- + Từ mốc M15 đến mốc M14 có chiều dài 87 mét;
- + Từ mốc M14 đến mốc M1 có chiều dài 16,52 mét;

- **Mốc M3 - M4 - M5 - M16 có tổng diện tích 348,3 m²**, trong đó:

- + Từ mốc M3 đến mốc M4 có chiều dài 22,93 mét;
- + Từ mốc M4 đến mốc M5 có chiều dài 15,16 mét;
- + Từ mốc M5 đến mốc M16 có chiều dài 25,34 mét;
- + Từ mốc M16 đến mốc M3 có chiều dài 14,02 mét;).

Theo “Trích đo hiện trạng lập ngày 09/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Quách Văn Y, bà Huỳnh Thị L tháo dỡ, di dời nhà (tạm), công trình kiến trúc đầu tư trên phần đất có diện tích 83,5 m² để trả lại đất cho ông Lê Hồng P.

2. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí đo đạc là 12.613.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu toàn bộ. Ông Lê Hồng P đã thanh lý xong toàn bộ nên buộc ông Huỳnh Văn T phải hoàn trả cho ông Lê Hồng P số tiền 12.613.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Hồng P yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Huỳnh Văn T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Lê Hồng P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019179 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước